

Số: /QĐ-ĐHM-ĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định về đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai”

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535/TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 58/TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/04/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV – trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Viện Đại học Mở Hà Nội;

Theo đề nghị của ông (bà) trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai tại Viện Đại học Mở Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa hợp lý, bất cập, nhà trường sẽ sửa đổi, bổ sung.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Công tác chính trị và sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Tổ chức – Hành chính, Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Chủ nhiệm các Khoa, Giám đốc các trung tâm và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Lê Văn Thanh

Nơi nhận :

- Như Điều 3

- Lưu TCHC, ĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2011

QUY ĐỊNH

Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai tại Viện Đại học Mở Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 477/QĐ-ĐHM-ĐT ngày 01 tháng 12 năm 2011

của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội)

Điều 1. Những quy định chung

1. Văn bằng đại học thứ hai là văn bằng cấp cho những người đã có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học, sau khi hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo đại học của ngành đào tạo mới, có đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học.

2. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và nâng cao tính thích ứng của nguồn nhân lực trước đòi hỏi ngày càng tăng của xã hội.

3. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai được thực hiện theo các phương thức giáo dục chính qui và không chính qui với các hệ và các hình thức học sau:

a. Hệ không chính qui: Học theo hình thức vừa làm vừa học (học tập trung không liên tục - hệ tại chức cũ), học từ xa, tự học có hướng dẫn.

b. Hệ chính qui: Học tập trung liên tục tại trường.

4. Người học bằng đại học thứ hai là nam giới trong độ tuổi gọi nhập ngũ không thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình theo qui định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 3- CP ngày 16-1-1995 của Chính phủ và Thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Giáo dục và Đào tạo số 1144/TTLB-QP-GDĐT ngày 15- 6-1995.

Điều 2. Điều kiện để học bằng đại học thứ hai

1. Công dân Việt Nam có đủ sức khoẻ để học tập theo qui định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) số 10/TTLB ngày 18-8-1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20-8-1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có bằng tốt nghiệp đại học được đăng ký dự tuyển học bằng đại học thứ hai.

2. Nộp đầy đủ và đúng hạn hồ sơ đăng ký dự tuyển theo qui định của trường. Mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển bằng đại học thứ hai được qui định tại phụ lục kèm theo Quy định này.

3. Đạt yêu cầu tuyển sinh theo qui định của Viện.

Điều 3. Điều kiện để được đào tạo bằng đại học thứ hai

1. Việc đào tạo bằng đại học thứ hai của Viện chỉ được thực hiện ở những ngành đã được phép đào tạo hệ chính qui sau khi có ít nhất hai khoá chính qui của ngành đó tốt nghiệp.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo bằng đại học thứ hai nằm trong tổng chỉ tiêu Bộ GD&ĐT giao cho Viện Đại học Mở Hà Nội hàng năm.

Điều 4. Đối tượng đào tạo

Dựa vào Danh mục giáo dục đào tạo cấp 4 ban hành theo Thông tư số 14/2010/TT-BGD&ĐT ngày 27/04/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, thí sinh đăng ký dự thi được phân chia thành các đối tượng dựa vào bằng đại học thứ nhất như sau :

TT	Đối tượng	Bằng đại học thứ nhất thuộc nhóm ngành	Ghi chú
----	-----------	--	---------

1	1A	(5214), 5221, 5222, (5231), (5232), (5276), (5281), (5284), (5285), (5286) – Hệ chính qui tốt nghiệp tại Viện Đại học Mở Hà Nội	<i>Nhóm ngành Xã hội, Nhân văn, Nghệ thuật, Ngoại ngữ, Báo chí, Thông tin</i>
2	1B	(5214), 5221, 5222, (5231), (5232), (5276), (5281), (5284), (5285), (5286) – Hệ chính qui tốt nghiệp tại các trường đại học khác	
3	1C	(5214), 5221, 5222, (5231), (5232), (5276), (5281), (5284), (5285), (5286) – Hệ không chính qui tốt nghiệp tại tất cả các trường đại học	
4	2A	5234 – Hệ chính qui tốt nghiệp tại Viện Đại học Mở Hà Nội	<i>Nhóm ngành Kinh tế, QTKD</i>
5	2B	5234 – Hệ chính qui tốt nghiệp tại các trường đại học khác	
6	2C	5234 – Hệ không chính qui tốt nghiệp tại tất cả các trường đại học	
7	3A	5238 – Hệ chính qui tốt nghiệp tại Viện Đại học Mở Hà Nội	<i>Nhóm ngành Luật</i>
8	3B	5238 – Hệ chính qui tốt nghiệp tại các trường đại học khác	
9	3C	5238 – Hệ không chính qui tốt nghiệp tại tất cả các trường đại học	
10	4A	5242, (5244), (5246), 5248, 5251, 5252, (5254), 5258 – Hệ chính qui tốt nghiệp tại Viện Đại học Mở Hà Nội	<i>Nhóm ngành Kỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên</i>
11	4B	5242, (5244), (5246), 5248, 5251, 5252, (5254), 5258 – Hệ chính qui tốt nghiệp tại các trường đại học khác	
12	4C	5242, (5244), (5246), 5248, 5251, 5252, (5254), 5258 – Hệ không chính qui tốt nghiệp tại tất cả các trường đại học	
13	5A	(5262), (5264), (5272) – Hệ chính qui tốt nghiệp tại Viện Đại học Mở Hà Nội	<i>Nhóm ngành Nông, Lâm, Y, Dược</i>
14	5B	(5262), (5264), (5272) – Hệ chính qui tốt nghiệp tại các trường đại học khác	
15	5C	(5262), (5264), (5272) – Hệ không chính qui tốt nghiệp tại tất cả các trường đại học	

Ghi chú :

- (xxxx): nhóm ngành Viện Đại học Mở Hà Nội không có
- Hệ không chính qui bao gồm: vừa làm vừa học, từ xa, tự học có hướng dẫn.

Điều 5. Tuyển sinh

1. *Các trường hợp được miễn thi* : Căn cứ bằng đại học thứ nhất để phân chia đối tượng miễn thi đối với từng ngành như sau :

TT	Đăng ký học bằng ĐH thứ hai ngành	Đối tượng được miễn thi đăng ký học	
		Bảng 2 chính quy	Bảng 2 không chính quy
1	Công nghệ thông tin	4A	4A, 4B
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	4A	4A, 4B
3	Công nghệ sinh học	4A	4A
4	Kế toán	2A	2A, 4B
5	Quản trị kinh doanh	2A	2A, 4B
6	QTKD (Du lịch, Khách sạn)	2A	2A, 4B
7	QTKD (Hướng dẫn du lịch)	2A	2A, 4B
8	Tài chính – Ngân hàng	<i>Không tuyển sinh</i>	
9	Luật kinh tế	3A	3A
10	Luật quốc tế	<i>Không tuyển sinh</i>	
11	Ngôn ngữ Anh	1A (522202)	1A, 4B
12	Ngôn ngữ Trung Quốc	<i>Không tuyển sinh</i>	
13	Kiến trúc	<i>Không tuyển sinh</i>	

14	Thiết kế công nghiệp	Không tuyển sinh
----	----------------------	------------------

Trong trường hợp số hồ sơ miễn thi vượt chỉ tiêu thì thí sinh phải dự kiểm tra môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin để xét tuyển đủ chỉ tiêu. Hình thức kiểm tra tự luận, thời gian 150 phút.

2. Hình thức thi :

Những người không thuộc diện miễn thi nêu tại khoản 1 Điều này và những người đăng ký học để lấy bằng đại học thứ hai hệ chính qui phải thi hai môn thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của ngành đào tạo thứ hai.

Cụ thể: - Môn 1: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Môn 2: Tiếng Anh hoặc Triết học Mác - Lênin

(Thí sinh đã có bằng đại học thứ nhất ngành Tiếng Anh phải thi môn Triết học Mác – Lênin; Ngành Ngôn ngữ Anh không tuyển những người đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh hệ không chính quy)

Hình thức thi: Tự luận, thời gian làm bài 150 phút.

Điều 6. Thời gian, chương trình đào tạo, bảo lưu kiến thức và bổ túc kiến thức

1. Thời gian đào tạo để lấy bằng đại học thứ hai là 5 học kỳ.

2. Chương trình đào tạo bằng thứ hai đối với từng ngành đào tạo là chương trình đào tạo hệ chính qui của ngành học đó đang được thực hiện tại cơ sở đào tạo (khối kiến thức cơ sở, ngành và chuyên ngành).

3. Người học phải học đủ các học phần có trong chương trình đào tạo của ngành thứ hai mà khi học ngành thứ nhất chưa được học hoặc đã học nhưng chưa đủ khối lượng qui định.

4. Người học chỉ được bảo lưu kết quả học tập đối với những học phần trong chương trình đào tạo ngành thứ nhất có khối lượng tương đương hoặc lớn hơn so với chương trình đào tạo của ngành mới và đạt từ 05 điểm (theo thang điểm 10) trở lên.

5. Dựa vào kết quả học tập trên bảng điểm kèm theo bằng, Ban chủ nhiệm các Khoa lập danh sách trình Viện trưởng (thông qua Phòng Đào tạo) quyết định việc bảo lưu kiến thức, khối lượng kiến thức, các học phần và nội dung phải học đối với từng sinh viên.

6. Bổ túc kiến thức:

Trong trường hợp thí sinh có bằng đại học thứ nhất khác hoặc gần với ngành đào tạo bằng đại học thứ hai thì phải học bổ túc kiến thức. Thời gian học bổ túc kiến thức có thể tổ chức trước khi thi tuyển sinh hoặc sau khi thi tuyển sinh nhưng phải kết thúc trước thời điểm xét tốt nghiệp. Sinh viên phải thi đạt các môn học bổ túc kiến thức mới được xét tốt nghiệp. Điểm thi các môn học bổ túc kiến thức không tính vào điểm trung bình để xếp hạng tốt nghiệp.

Số học phần phải bổ túc kiến thức đối với từng đối tượng quy định cụ thể như sau:

TT	Đăng ký học bằng ĐH thứ hai ngành	Số học phần phải học bổ túc kiến thức				
		Đối tượng 1	Đối tượng 2	Đối tượng 3	Đối tượng 4	Đối tượng 5
1	Công nghệ thông tin	4	3	3	0	4
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	4	3	3	0	4
3	Công nghệ sinh học	4	3	3	0	4
4	Kế toán	3	0	3	3	4
5	Quản trị kinh doanh	3	0	3	3	4
6	QTKD (Du lịch, Khách sạn)	3	0	3	3	4
7	QTKD (Hướng dẫn du lịch)	3	0	3	3	4
8	Tài chính – Ngân hàng	Không tuyển sinh				
9	Luật kinh tế	3	3	0	3	4
10	Luật quốc tế	Không tuyển sinh				

11	Ngôn ngữ Anh	0	3	3	4	4
12	Ngôn ngữ Trung Quốc	<i>Không tuyển sinh</i>				
13	Kiến trúc	<i>Không tuyển sinh</i>				
14	Thiết kế công nghiệp	<i>Không tuyển sinh</i>				

Các Khoa có tổ chức đào tạo bằng đại học thứ hai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo bổ túc kiến thức cho sinh viên. Kế hoạch bổ túc kiến thức bao gồm : thời gian học, các học phần phải học bổ túc kiến thức đối với từng đối tượng và phải được Viện trưởng duyệt (thông qua Phòng Đào tạo).

Điều 7. Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng

1. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai theo phương thức, hệ, hình thức học nào thì áp dụng các Quy chế hiện hành về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp đối với phương thức, hệ, và hình thức học đó như sau:

a. Người học theo hình thức vừa làm vừa học, thực hiện các qui định về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế của hệ không chính qui (*Quy chế 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*); nếu đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp bằng đại học thứ hai theo hình thức vừa làm vừa học

b. Người học theo hình thức từ xa, tự học có hướng dẫn, thực hiện các qui định về kiểm tra, thi, và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đối với hình thức này (*Quy chế 40/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 8/8/2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*); nếu đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức học từ xa, tự học có hướng dẫn.

c. Người học theo hình thức tập trung liên tục tại trường, thực hiện đầy đủ các qui định về thi tuyển sinh, học lý thuyết, thực hành, bài tập, làm đồ án, khoá luận hoặc thi cuối khoá, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo Quy chế của hệ chính qui (*Quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 và Quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*); nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp như hệ chính qui thì được cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui.

2. Trong văn bằng tốt nghiệp ghi hình thức đào tạo, dưới dòng chữ Bằng tốt nghiệp đại học ghi trong ngoặc đơn dòng chữ: “Bằng thứ hai”.

3. Việc quản lý, cấp phát văn bằng được thực hiện theo Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 8. Học phí, lệ phí tuyển sinh

Học phí và Lệ phí tuyển sinh thu theo quy định hiện hành của Viện Đại học Mở Hà Nội./.

VIỆN TRƯỞNG

TS. Lê Văn Thanh